

Phiên Âm Tiếng Trung

第二课 汉语拼音

VOL. 02 NETCHAI ORIGINAL TEXT

Nhập Môn · Bài 2

01 Giới Thiệu

Trong Bài 2, chúng ta học **phát âm và phiên âm pinyin**. Nếu cố gắng hoàn thiện phát âm ngay từ đầu sẽ mất rất nhiều thời gian, vì vậy ở giai đoạn này chỉ cần nắm được tổng quát những âm nào tồn tại trong tiếng Trung và pinyin của chúng là gì.

Trước tiên, hãy đọc theo giáo viên một lượt. Chúng ta sẽ đi sâu hơn trong các bài học sau.

Bảng Nguyên Âm 36

Nguyên Âm Đơn	a o e i u ü
Nguyên Âm Ghép	ai ao ou ei ia ie iao iou(iu) ua uo uai uei(ui) üe

Vần Mũi Trước (-n)	an en ian in uan uen ùan ùn
Vần Mũi Sau (-ng)	ang ong eng iang ing iong uang ueng
Nguyên Âm Quyển Lưỡi (er)	er

Bảng Phụ Âm

21

	Không Bất Hơi	Bất Hơi	Mũi	Xát	Hữu Thanh
Môi (âm môi)	b(o)	p(o)	m(o)	f(o)	
Đầu Lưỡi-Răng	d(e)	t(e)	n(e)		l(e)
Góc Lưỡi-Ngạc Mềm	g(e)	k(e)		h(e)	
Mặt Lưỡi-Ngạc Cứng	j(i)	q(i)		x(i)	
Đầu Lưỡi-Răng (xít)	z(i)	c(i)		s(i)	
Quyển Lưỡi	zh(i)	ch(i)		sh(i)	r(i)

Lưu ý: Mẹo luyện tập

Các phụ âm khó luyện tập khi đứng một mình, vì vậy hãy ghép với nguyên âm được ghi trong ngoặc đơn () bên cạnh mỗi phụ âm.

02

Luyện Tập

Hãy nhờ giáo viên sửa phát âm cho bạn.

① Số Đếm Tiếng Trung (1-10)

<i>yī</i>	<i>èr</i>	<i>sān</i>	<i>sì</i>	<i>wǔ</i>	<i>liù</i>	<i>qī</i>	<i>bā</i>	<i>jiǔ</i>	<i>shí</i>
一	二	三	四	五	六	七	八	九	十
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

② Luyện Phát Âm

Ở giai đoạn này, hãy tập trung đọc to các từ — như vậy là đủ rồi.

STT	Pinyin	Chữ Hán	Nghĩa
1	<i>wǒ</i>	我	tôi / mình
2	<i>nǐ</i>	你	bạn / anh / chị
3	<i>tā</i>	他	anh ấy / ông ấy
4	<i>tā</i>	她	chị ấy / cô ấy
5	<i>wǒmen</i>	我们	chúng tôi / chúng ta
6	<i>nǐmen</i>	你们	các bạn / các anh chị

STT	Pinyin	Chữ Hán	Nghĩa
7	<i>tāmen</i>	他们	họ / các anh ấy
8	<i>bà ba</i>	爸爸	bố / ba
9	<i>māma</i>	妈妈	mẹ / má
10	<i>gēge</i>	哥哥	anh trai
11	<i>jiějie</i>	姐姐	chị gái
12	<i>dìdi</i>	弟弟	em trai
13	<i>mèimei</i>	妹妹	em gái
14	<i>yéye</i>	爷爷	ông nội
15	<i>nǎinai</i>	奶奶	bà nội